

MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI CƠ CHẾ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

NGUYỄN VĨNH KHƯƠNG*, NGUYỄN THỊ YẾN NAM*

TÓM TẮT

Bài viết đề cập một số biện pháp đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước (NSNN) cho hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) tại các trường đại học. Có 5 biện pháp cần thiết để đổi mới cơ chế phân bổ NSNN cho hoạt động NCKH tại các trường đại học: (i) Phân bổ ngân sách dựa trên đặc điểm và ưu tiên riêng cho hoạt động NCKH của từng ngành và từng trường; (ii) Đổi mới cơ chế giao ngân sách kết hợp khuyến khích huy động các nguồn kinh phí NCKH trường; (iii) Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách cho NCKH; (iv) Đổi mới hệ thống giám sát và đánh giá chất lượng các đề tài NCKH; và (v) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyển chọn các đề tài NCKH ở trường.

Từ khóa: đổi mới, cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước, biện pháp đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

ABSTRACT

Some measures to innovate the mechanism of state budget allocation for scientific research activities in the universities

The article discusses some measures to innovate the mechanism of state budget allocations for scientific research activities in the universities. There are 5 necessary measures including budget allocation based on personal characteristics and priorities for scientific research activities of each sector, universities and innovation mechanism combined budget allocation to encourage the mobilization of funding for the university scientific research, innovation management mechanism for scientific research budget of the university, system innovation monitor and evaluate the quality of scientific research projects in universities and promote IT applications in selected subjects at the universities in scientific research.

Keywords: innovate, mechanism of state budget allocation, measures to innovate mechanism of state budget allocations for scientific research activities.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học (GDĐH) nói riêng. Trong công tác đào tạo đại học ở nước ta hiện nay, NCKH được xem là một trong những yếu tố quan trọng, không những góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo ra những tri thức mới, sản phẩm mới, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Ở Việt Nam, hoạt động NCKH và công nghệ nói chung chủ yếu được đầu tư từ các nguồn: NSNN; vốn đầu tư của các doanh nghiệp; tài trợ từ nước ngoài và các nguồn khác. Trong số các nguồn lực tài chính đầu tư cho giáo dục đào tạo thì đầu tư từ NSNN là tất yếu, đóng vai trò chủ đạo trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Có thể nhận thấy những đóng góp to lớn của NCKH trong đổi mới và nâng cao chất lượng GDĐH.

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM, Email: nguyenvinhkhuong@gmail.com

Tuy nhiên, cũng còn có nhiều ý kiến cho rằng chất lượng và hiệu quả của hoạt động NCKH ở các trường đại học đang là một thách thức đối với hệ thống GDĐH Việt Nam, việc quản lý kinh phí NCKH ở các trường đại học còn bị buông lỏng; việc đánh giá chất lượng còn cào bằng; việc quản lý kinh phí phần lớn được đánh giá qua tiến độ giải ngân và tuân thủ định mức, chưa hướng đến đánh giá chất lượng, hiệu quả tổng thể của nguồn kinh phí NSNN cho NCKH ở các trường đại học; kinh phí cho hoạt động NCKH không theo kịp với thực tế; nhiều điểm trong thủ tục thanh quyết toán không hợp lý, gây khó khăn cho cán bộ hoạt động khoa học công nghệ; ngân sách hàng năm dành cho hoạt động NCKH tại các trường đại học ít, phân tán trong khi ngân sách dành cho các ngành, địa phương thường xuyên phải xuất toán (vì không phân bổ hết). Đây là những điểm hạn chế có liên quan đến cơ chế phân bổ NSNN cho hoạt động NCKH.

Bên cạnh những thuận lợi về NCKH, các trường đại học vẫn đang gặp phải những khó khăn liên quan đến cơ chế phân bổ NSNN cho hoạt động NCKH; do đó, việc tìm hiểu biện pháp đổi mới cơ chế này tại các trường đại học chính là chìa khóa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động NCKH tại trường học.

2. Nội dung

Nhằm đổi mới cơ chế phân bổ NSNN cho hoạt động NCKH tại các trường đại học, chúng tôi đề xuất một số biện pháp sau đây:

2.1. Phân bổ ngân sách dựa trên đặc

điểm và ưu tiên riêng cho hoạt động NCKH của từng ngành, từng trường đại học

Nội dung chính của biện pháp này là việc tăng cường đầu tư tài chính và đổi mới cơ chế giao NSNN cho hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của ngành giáo dục và đào tạo, chú ý đến đặc điểm riêng trong hoạt động KH&CN của ngành, trường đại học ở từng địa phương, vùng kinh tế xã hội cụ thể.

Xuất phát từ quy định cơ sở GDĐH có hai nhiệm vụ chính là đào tạo và NCKH với tỉ lệ thời gian là 2:1, bên cạnh việc giao kinh phí theo đề tài, dự án như quy định hiện hành, cần thực hiện phân bổ kinh phí hoạt động khoa học thường xuyên cho cơ sở GDĐH theo số lượng và trình độ của giảng viên với định mức bằng 1/3 định mức kinh phí giao theo số lượng và trình độ cán bộ nghiên cứu cho các viện nghiên cứu; bổ sung hoàn thiện chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế đối với việc chuyển giao ứng dụng KH&CN của các cơ sở GDĐH; đổi mới việc giao kinh phí đề tài, dự án KH&CN cho cơ sở GDĐH theo hướng tính đủ cả chi phí tiền lương và các chi phí hoạt động thường xuyên khác, không tính vào kinh phí đào tạo đại học của các cơ sở GDĐH như hiện nay; khôi phục biên chế NCKH (nghiên cứu viên) cho các trường ĐH như những năm trước 1990; xây dựng cơ chế khoán đối với các đề tài, dự án KH&CN.

Việc chú ý đến đặc điểm riêng của hoạt động NCKH cụ thể của từng trường đại học sẽ giúp gắn kết được hoạt động NCKH phục vụ trực tiếp cho phát triển

kinh tế, xã hội của địa phương. Ở các quốc gia khác, như ở Anh, đã thành lập các ủy ban xét tuyển đề tài thuộc từng vùng, lãnh thổ nhất định, do vậy các đề tài được giao kinh phí phải gắn chặt với đặc điểm và ưu tiên về NCKH của từng vùng, lãnh thổ và thế mạnh của từng trường đại học cụ thể.

Các Bộ, ngành và tỉnh cần phải hình thành ngân hàng các vấn đề cần nghiên cứu trên cơ sở tổng hợp ý kiến từ cơ sở, từ thực tiễn sản xuất, kinh doanh, từ kinh tế, xã hội... Xây dựng các chiến lược ưu tiên nghiên cứu ở cấp Bộ, ngành, cấp trường và cấp trực thuộc để trên cơ sở đó chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, vật lực, sẵn sàng thực hiện chiến lược; đồng thời, đơn giản hóa thủ tục hành chính hướng tới khoán kinh phí thực hiện đề tài.

Tăng cường đầu tư cho hoạt động NCKH tại các trường đại học. Chú trọng đầu tư cho các trường đại học trọng điểm và một số trường đại học mà hoạt động KH&CN có tác động mạnh, trực tiếp phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tăng cường đầu tư cho các phòng thí nghiệm theo hướng đầu tư có trọng điểm, gắn với các nhiệm vụ cụ thể. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu cho các đơn vị có đào tạo sau đại học, cho các tổ chức và tập thể khoa học thực hiện các nhiệm vụ quan trọng thuộc các chương trình KH&CN và các chương trình kinh tế - kỹ thuật, góp phần tạo những đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Đổi mới cơ chế, chính sách về tài

chính (quản lý tài chính, thuế... đối với hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ) cho phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN của các trường đại học; tăng cường và giao hẳn quyền tự chủ cho các trường; hoàn thiện chính sách đãi ngộ cho phù hợp với các hoạt động NCKH và đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học; có chính sách hỗ trợ cho đào tạo tiến sĩ, cụ thể là hỗ trợ kinh phí KH&CN cho các đề tài NCKH có gắn với luận án tiến sĩ.

2.2. *Đổi mới cơ chế giao ngân sách kết hợp khuyến khích huy động các nguồn kinh phí NCKH cho trường đại học*

Phân bổ ngân sách cần kết hợp với khuyến khích huy động các nguồn kinh phí từ doanh nghiệp cho hoạt động KH&CN. Đây thực chất là biện pháp chia sẻ chi phí NCKH giữa nguồn kinh phí nhà nước với các nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp, công ti dành cho NCKH. Thông thường, theo kinh nghiệm ở các quốc gia khác, nguồn NSNN sẽ được dùng để triển khai NCKH ở giai đoạn đầu. Khi kết quả nghiên cứu đã được kiểm nghiệm, có thể triển khai để nghiên cứu và triển khai sản xuất, chế biến thử hoặc thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu. Các doanh nghiệp, công ti quan tâm sẽ đầu tư tiếp tục để các nhà khoa học thuộc các trường đại học có đủ điều kiện về tài chính triển khai nghiên cứu.

Đẩy mạnh liên kết chặt chẽ giữa các viện nghiên cứu với trường và doanh nghiệp; xây dựng các giải pháp thúc đẩy quá trình thương mại hóa kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này cho các cơ sở nghiên cứu.

Xây dựng các doanh nghiệp KH&CN tại các trường đại học, phát triển mô hình ươm tạo công nghệ nhằm thu hút các nguồn lực tài chính của xã hội cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ.

Tăng cường đầu tư thiết bị nghiên cứu gắn với đào tạo chuyên gia, kỹ thuật viên lành nghề và sử dụng hiệu quả thiết bị nghiên cứu đã có trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với các đề tài nghiên cứu và hợp tác trong sử dụng thiết bị; hình thành chuỗi các phòng thí nghiệm chuyên ngành để phục vụ NCKH, tập trung vào các ngành đào tạo mũi nhọn và ưu tiên để có đủ điều kiện phục vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có thể thực hiện cùng nghiên cứu hoặc nghiên cứu thuê cho các doanh nghiệp, các trường đại học và viện nghiên cứu của nước ngoài.

Xây dựng cơ chế đồng tài trợ giữa Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong và ngoài nước với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu để thực hiện các hợp đồng NCKH và cung cấp công nghệ, sản phẩm và giải pháp mới. Xây dựng cơ chế khoán đối với các đề tài, dự án KH&CN theo hướng chia sẻ kinh phí NCKH giữa các Bộ, ngành, giữa nhà nước và công ti theo phương thức PPP (Public, Private, Partnership).

2.2. *Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách cho NCKH của trường*

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ cần đổi mới cơ chế quản lý ngân sách NCKH trên cơ sở xúc tiến, xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các đề tài khoa học đối với các trường đại học dựa theo các tiêu chí

đánh giá kết quả đầu ra của các hoạt động NCKH. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ nghiên cứu có công trình được đăng trên các tạp chí được xếp hạng trong ISI.

Theo kinh nghiệm thành công của một số quốc gia, cần xây dựng và hình thành hệ thống các Quỹ Phát triển KH&CN của Bộ Giáo dục và Đào tạo để huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của các cơ sở giáo dục và nghiên cứu trong cả nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ, ngành trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu KH&CN của ngành, đặc biệt là của các trường đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ sản xuất, đời sống kinh tế xã hội, tiến tới chuyển dần các nhiệm vụ NCKH cơ bản về các trường đại học.

Các phòng thí nghiệm nghiên cứu cần đầu tư theo từng cụm trường thuận lợi về địa lí, trên cơ sở thế mạnh về chuyên môn để nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị nghiên cứu mang tính phối hợp cao. Cần phải bổ sung một nguồn tài chính đủ mạnh để có được những NCKH mang tầm cỡ khu vực và quốc tế.

Nên phân đề tài cấp Bộ theo 2 mức: mức trọng điểm và mức 2. Hiện tại, chỉ có một mức là đề tài cấp Bộ do Bộ GD&ĐT giao chỉ tiêu cho các trường, cấp kinh phí và giám sát, đánh giá. Cách làm này một mặt nhằm tăng cường sự quản lý, giám sát của Bộ đối với hoạt động NCKH, nhưng mặt khác đã làm giảm tính tự chủ, linh hoạt của các trường đại học trong quản lý hoạt động NCKH.

Cũng cần có biện pháp đảm bảo sự hợp tác chặt chẽ trong NCKH giữa các viện và Trường Đại học Sư phạm TPHCM để góp phần tăng chất lượng các sản phẩm nghiên cứu. Bộ cần có chính sách tài chính hỗ trợ sinh viên NCKH nhằm nâng cao chất lượng GDĐH theo hướng tăng cường công tác NCKH đối với sinh viên.

Đăng tải công khai các nhiệm vụ KH&CN ít nhất 6 tháng trước khi đấu thầu. Việc ra quyết định nghiệm thu cần thực hiện đúng thời gian, đặc biệt là các yêu cầu về nghiệm thu cần được thông báo trước hoặc nêu rõ trong các quy định để trường chuẩn bị, tránh phải bổ sung khi làm thủ tục. Công bố và có thông báo các đề tài tham gia tuyển chọn nhưng không được phê duyệt cho cá nhân và đơn vị đăng kí.

Việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình NCKH cần thực hiện kịp thời cũng như cần hỗ trợ hiệu quả việc thương mại hóa các sản phẩm KH&CN. Việc đầu tư kinh phí cho các hoạt động KH&CN nên gắn với quy mô đào tạo của từng đơn vị và vai trò vị trí của từng trường, nên ưu tiên đầu tư lớn cho những trường trọng điểm. Giao nhiệm vụ NCKH thuộc các chương trình mục tiêu cấp nhà nước cho các trường trọng điểm phối hợp với các trường trong vùng thực hiện để giải quyết các vấn đề chung và phát huy thế mạnh của các đơn vị.

Hàng năm, các bộ phận có liên quan nên tập hợp tất cả những công trình khoa học của các trường thuộc Bộ quản lí đã nghiệm thu dưới dạng “tuyển tập các

công trình NCKH” (có thể dưới dạng tóm lược hoặc thông tin khoa học về đề tài, dự án) và công bố trên phạm vi toàn quốc để các đơn vị tham khảo, tránh việc triển khai các đề tài NCKH trùng lặp.

2.4. *Đổi mới hệ thống giám sát và đánh giá chất lượng các đề tài NCKH ở trường*

Hiện nay, các đề tài cấp trường được đánh giá một cấp; các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước đều được đánh giá qua hai cấp: cấp Cơ sở và cấp Nhà nước. Ở mỗi cấp, Hội đồng nghiệm thu đánh giá bao gồm chủ tịch, hai phản biện và một số thành viên. Tuy nhiên, khâu phản biện hiện nay chưa được quy định chặt chẽ, trong đó đáng chú ý nhất là chưa thực hiện phản biện kín trong đánh giá đề tài và chưa có chuẩn chọn phản biện. Do đó việc đánh giá đề tài của người phản biện còn mang tính cả nể, dễ dãi, yêu cầu sửa chữa, bổ sung chưa cao. Đề tài xuất sắc nhiều nhưng ứng dụng thực tiễn và công bố quốc tế hầu như rất hạn chế.

Quy trình nghiệm thu đánh giá đề tài còn nhiều hạn chế, cần phải đổi mới hệ thống giám sát và đánh giá chất lượng của đề tài NCKH, đó cũng chính là giám sát và đánh giá hiệu quả của ngân sách cho NCKH. Quy trình cụ thể như sau:

- Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và có trách nhiệm báo cáo thường xuyên về tiến độ và sản phẩm trung gian, sản phẩm cuối cùng cho cơ quan đặt hàng. Cần thống nhất quy trình, tiêu chí đánh giá giữa cơ quan chủ trì đề tài với đơn vị đặt hàng.

- Đánh giá của các chuyên gia độc lập: Các chuyên gia là những người thực sự hiểu biết trong lĩnh vực nghiên cứu KH&CN trong ngành thuộc đề tài nghiên cứu, được kí hợp đồng chuyên gia để đánh giá theo công đoạn và đánh giá sản phẩm cuối cùng. Chi phí trả cho các chuyên gia được tính theo tỉ lệ của đề tài và do cơ quan quản lí đề tài trực tiếp quản lí. Các chuyên gia chịu trách nhiệm về mặt pháp lí cá nhân với kết luận của mình.

- Đánh giá về tác động áp dụng: Hàng năm cơ quan đặt hàng sản phẩm KH&CN dành một khoản kinh phí để tổ chức điều tra độc lập nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá về: 1. Chất lượng sản phẩm KH&CN (hiệu quả áp dụng, định hướng nghiên cứu); 2. Hiệu quả đóng góp của các trường đại học; 3. Xếp hạng tổ chức KH&CN theo chất lượng sản phẩm và hiệu quả đóng góp. Kết quả của các đợt kiểm tra này sẽ được báo cáo với cơ quan quản lí và được công bố rộng rãi. Đánh giá hiệu quả đào tạo của các trường đại học (mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường, trình độ của sinh viên), tiến hành xếp hạng các trường và công khai trên các phương tiện truyền thông, website .

- Duy trì cơ chế đấu thầu cạnh tranh, tuy nhiên, cần triệt để thực hiện nguyên tắc bí mật, phản biện kín, đánh giá năng lực thực sự của cá nhân và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN hơn là chỉ dựa vào hồ sơ. Hội đồng chấm thầu cũng đồng thời là giám sát viên, là thành viên của Hội đồng nghiệm thu sản phẩm cuối cùng. Việc này cần được thực hiện hệ

thống, đồng bộ.

2.5. *Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tuyển chọn các đề tài NCKH ở trường*

Để triển khai tốt biện pháp này, cần phải triển khai một số hoạt động cụ thể sau:

- Xây dựng mạng thông tin liên lạc thông suốt và kịp thời giữa Bộ và các trường.

- Hệ thống thông tin về tình hình nghiên cứu của đề tài như tên đề tài, ấn phẩm công bố, tác giả, đơn vị... cần được xây dựng. Phân cấp cho các bộ môn, khoa và trường nắm giữ những thông tin phục vụ cho các mục đích quản lí khác nhau... Hệ thống này nên được nối mạng để có thể truy cập và sử dụng dễ dàng.

- Tất cả các nhiệm vụ KH&CN ở các cấp cần được đăng tải công khai trước khi tổ chức đấu thầu với các mục tiêu, nội dung nghiên cứu và sản phẩm cuối cùng rõ ràng, có thể áp dụng ngay vào thực tiễn.

3. Kết luận

Qua 30 năm đổi mới, hoạt động KH&CN cũng như cơ chế quản lí và chính sách đối với KH&CN của Nhà nước ta đã có những thay đổi khá mạnh mẽ. Điều đó đã tạo ra những biến chuyển quan trọng trong hoạt động KH&CN tại các trường đại học. Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế thì cơ chế quản lí và chính sách đối với KH&CN, cụ thể là cơ chế, chính sách phân bổ ngân sách cho NCKH tại các trường đại học đã bộc lộ không ít bất cập cần tích cực giải quyết trong giai đoạn tới. Các vấn đề này có nhiều nguyên nhân từ phía các cơ quan quản lí nhưng cũng phụ thuộc nhiều vào

các cơ sở đào tạo và nghiên cứu. Việc đưa ra các giải pháp như: Phân bổ ngân sách dựa trên đặc điểm và ưu tiên riêng cho hoạt động NCKH của từng ngành và từng trường, đổi mới cơ chế giao ngân sách kết hợp khuyến khích huy động các nguồn kinh phí NCKH ngoài trường, đổi mới cơ chế quản lý ngân sách cho NCKH, đổi mới hệ thống giám sát và đánh giá

chất lượng các đề tài NCKH và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyển chọn các đề tài NCKH ở các trường sẽ tạo điều kiện cho các trường đại học trực thuộc Bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị về đào tạo, nghiên cứu và phát triển KHCN, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Ghi chú: Bài báo được trích từ đề tài khoa học và công nghệ cấp Cơ sở: “Biện pháp đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT Ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Kiểm yếu Hội nghị “Tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm 2006-2010 và phương hướng phát triển giai đoạn 2011-2015”*.
3. Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *10 năm hoạt động quản lý khoa học (1989 - 1999)*.
4. Nguyễn Vĩnh Khương (2011), “Tìm hiểu về hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006-2010”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP HCM*.
5. Nguyễn Sỹ Lộc (chủ biên) (2000), *Quản lý nhà nước về khoa học công nghệ - môi trường*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
6. Nguyễn Sỹ Lộc (2004), “Quản lý và đào tạo quản lý trong lĩnh vực khoa học”, *Tạp chí Hoạt động khoa học công nghệ*, Hà Nội.
7. Quốc hội nước CHXHCNVN (2011), *Luật Giáo dục năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Quốc hội nước CHXHCNVN (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ: Luật số 29/2013/QH13*.

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-10-2015; ngày phản biện đánh giá: 13-12-2015;
ngày chấp nhận đăng: 15-01-2016)